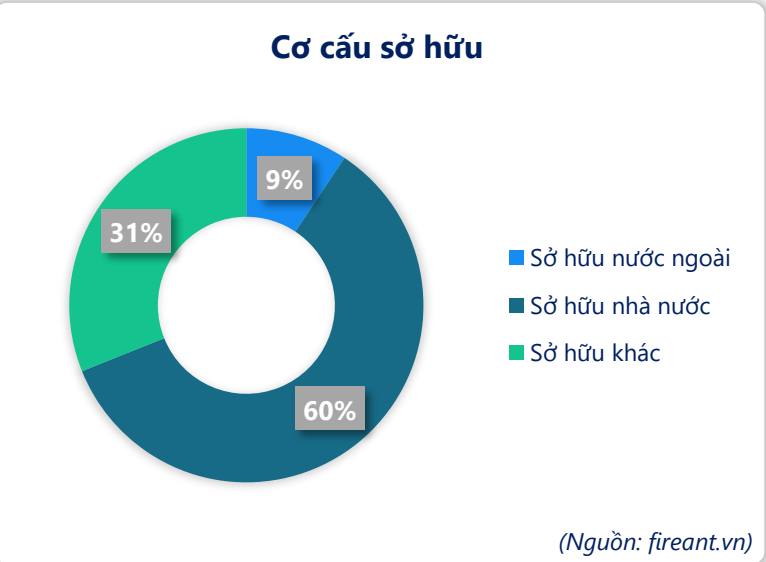
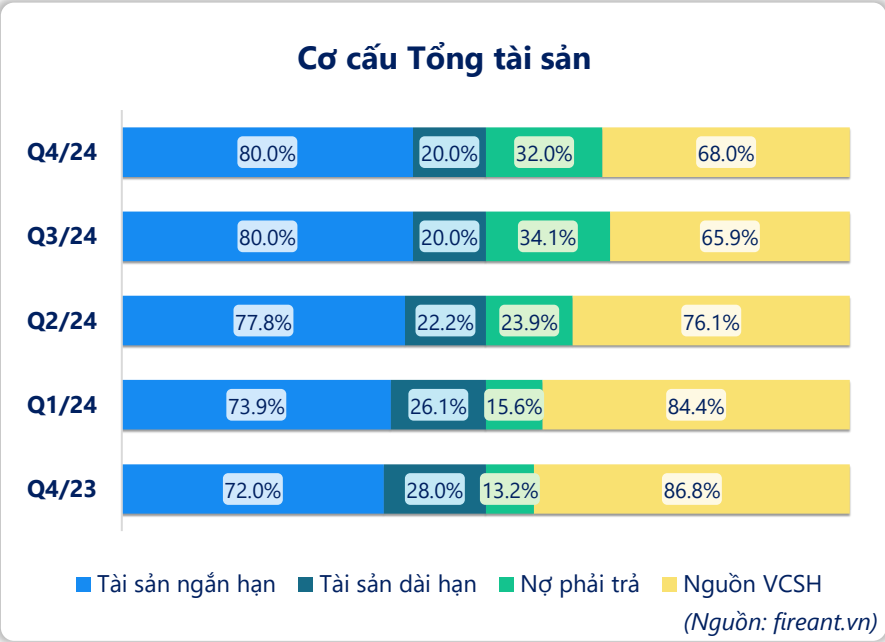
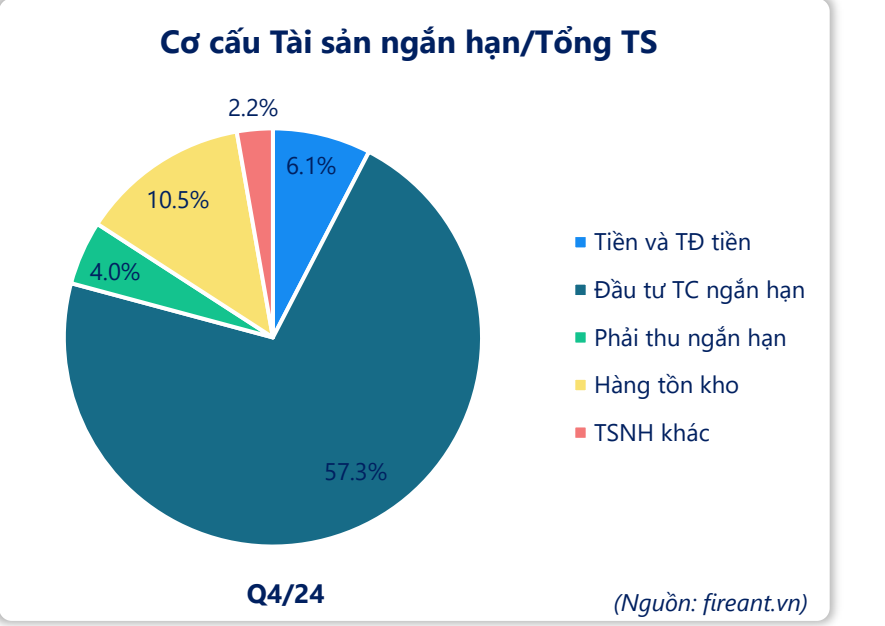
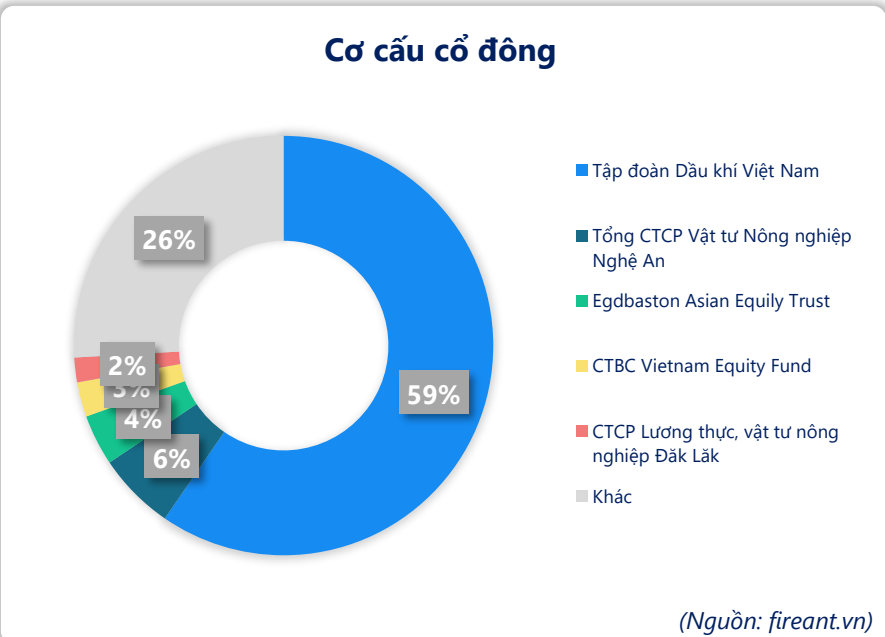
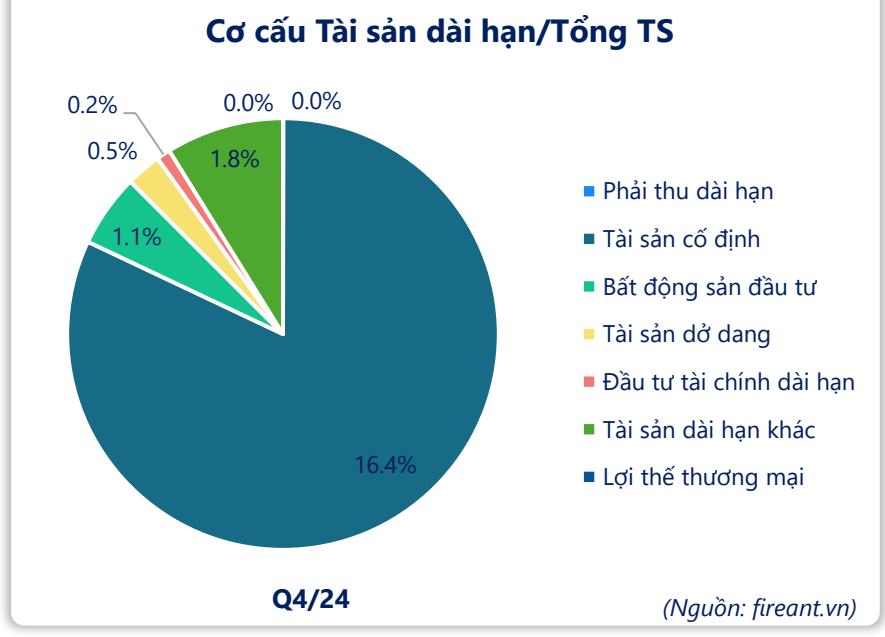
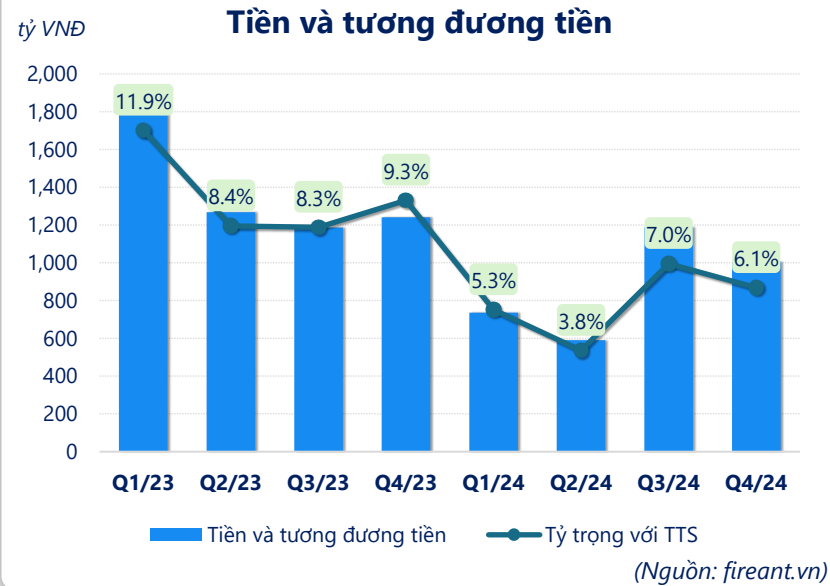
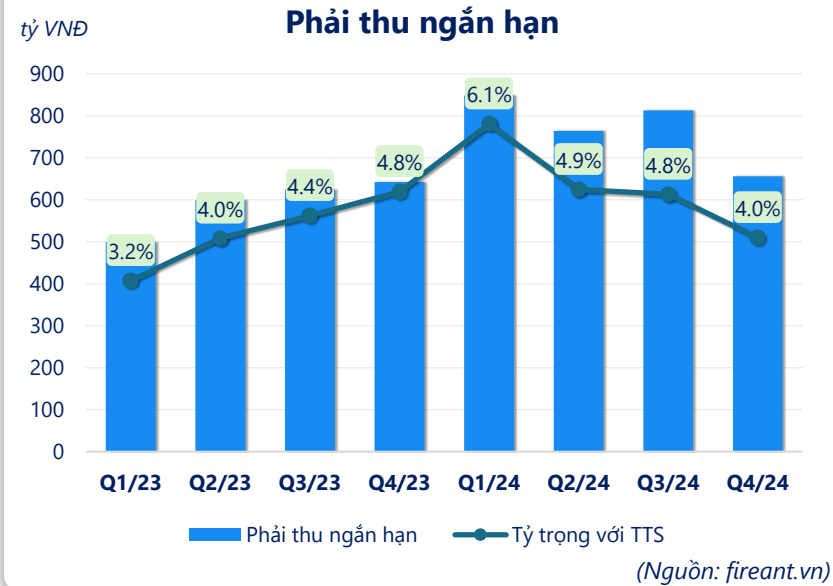
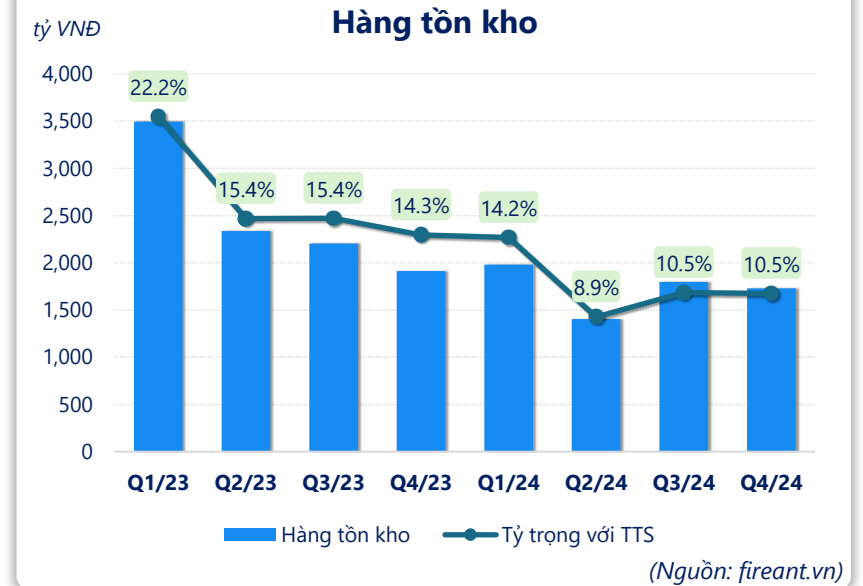
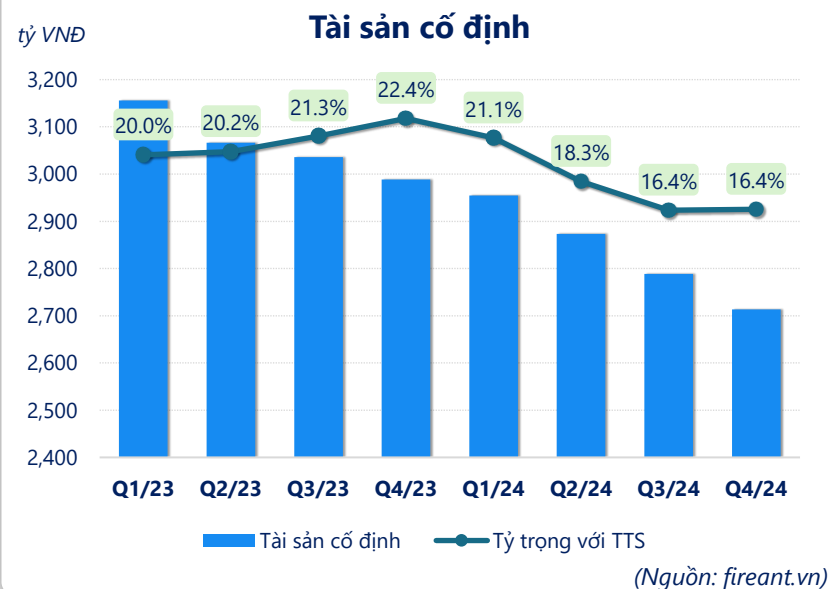
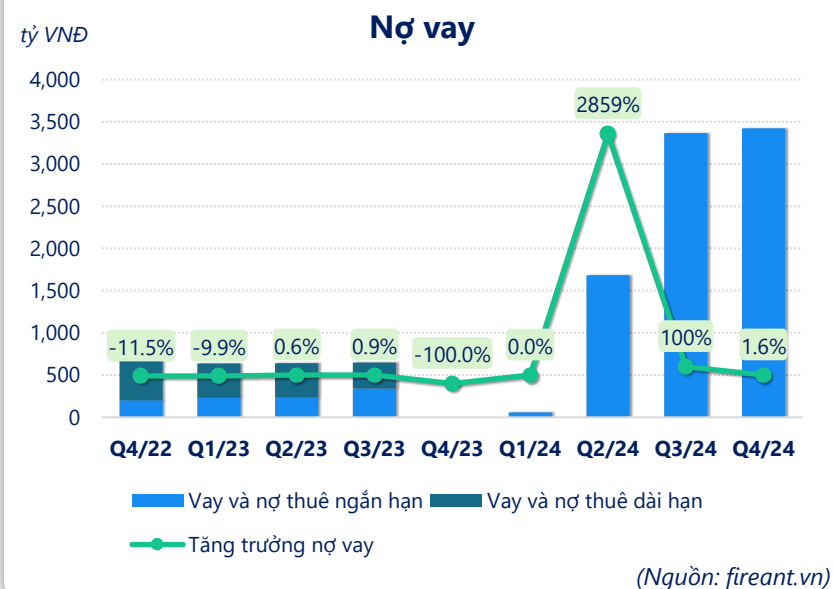
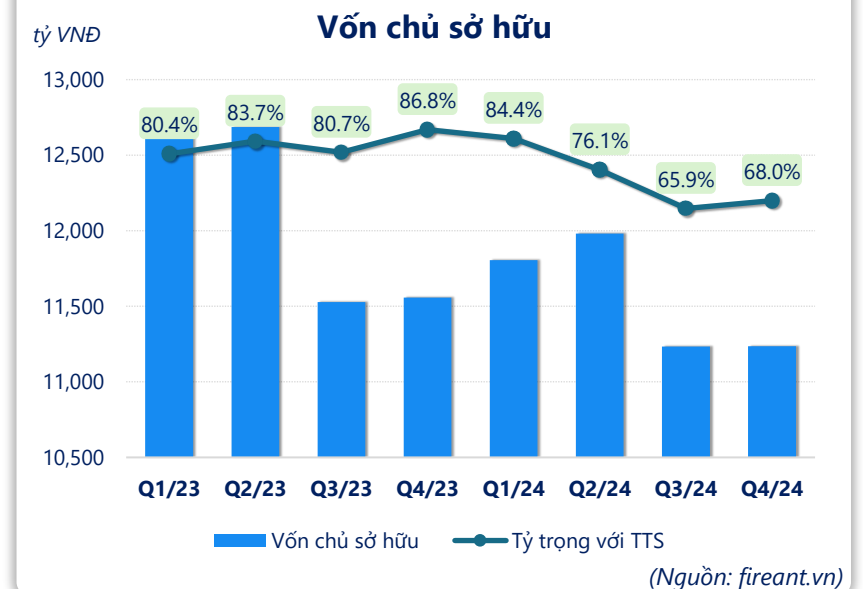
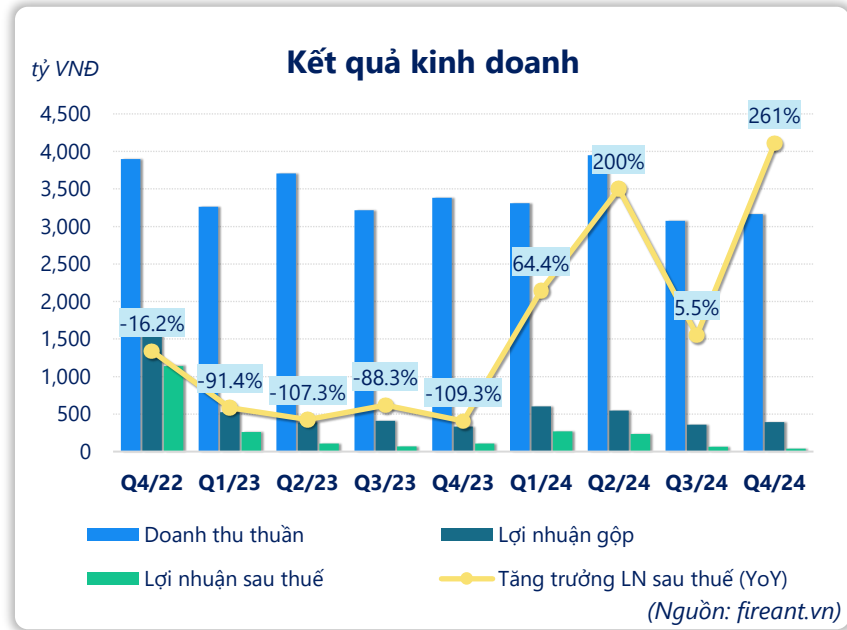
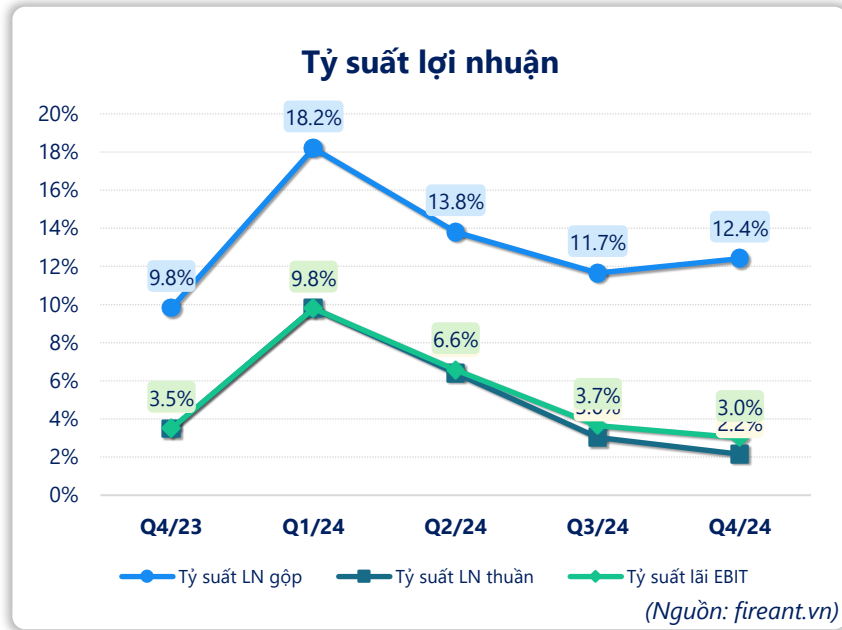
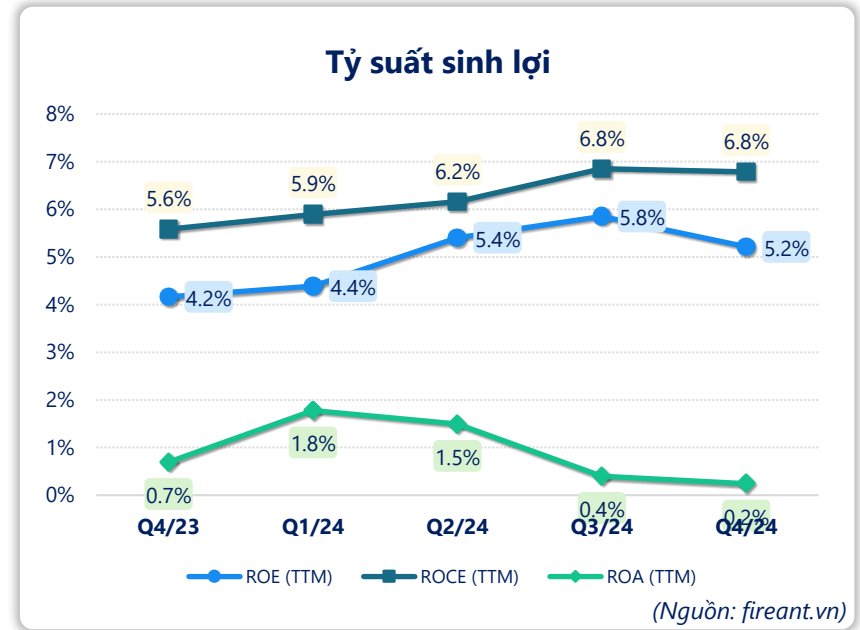
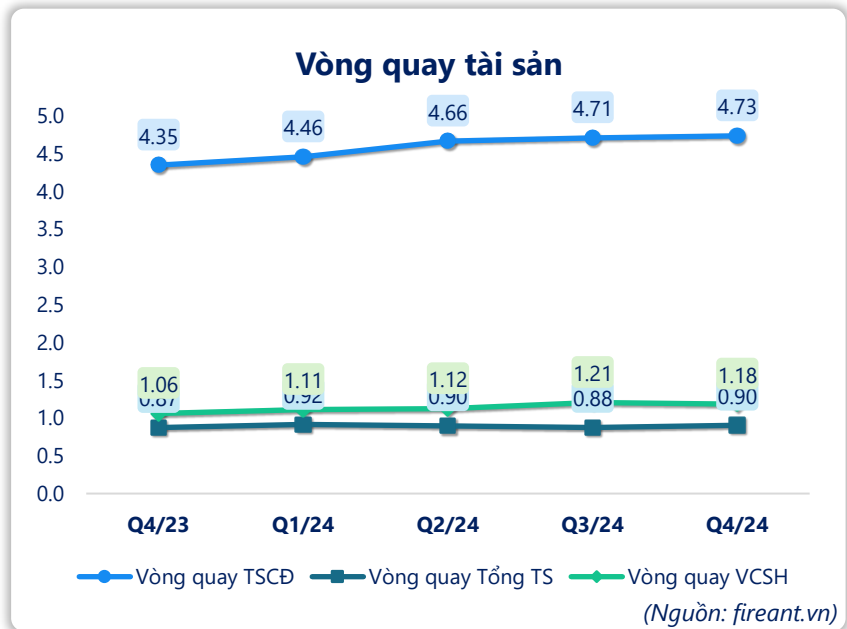
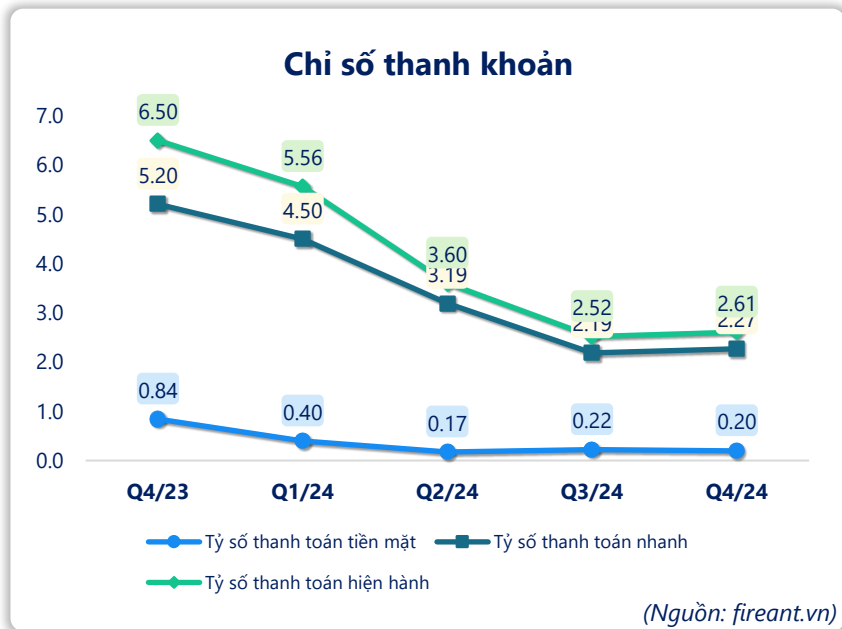
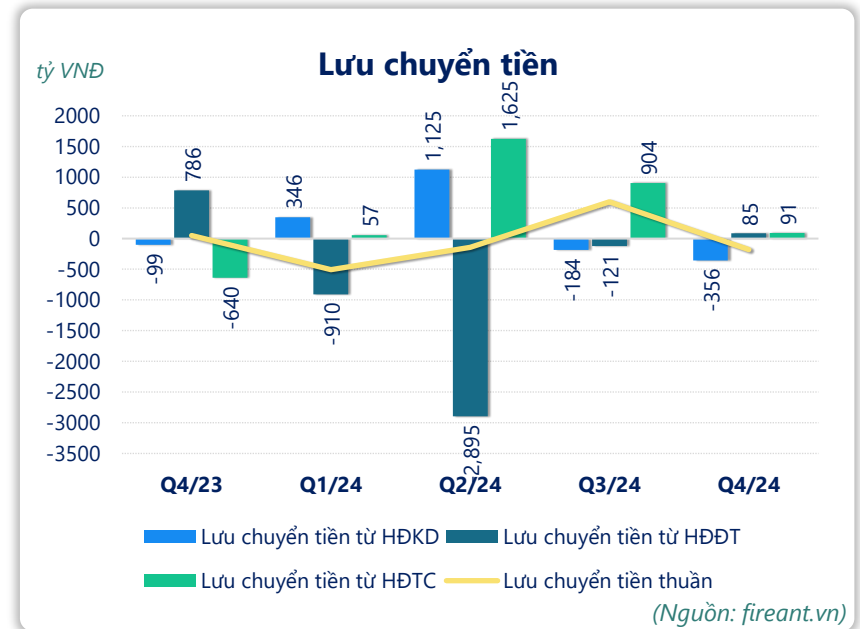


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		35,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,958
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,566
SL cổ phiếu LH		391,334,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,208,760
% sở hữu nước ngoài		9.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,697
P/E		23.1
EPS		1,518

	YTD	1T	3T	6T
DPM		-2.2%	0.0%	-4.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	16,531	13,309	24.2%
Tài sản ngắn hạn	13,222	9,565	38.2%
Tiền và tương đương tiền	1,005	1,242	-19.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,464	5,385	75.7%
Phải thu ngắn hạn	656	642	2.1%
Hàng tồn kho	1,731	1,911	-9.4%
Tài sản ngắn hạn khác	367	385	-4.9%
Tài sản dài hạn	3,309	3,744	-11.6%
Phải thu dài hạn	1.13	0.88	28.4%
Tài sản cố định	2,713	2,988	-9.2%
Bất động sản đầu tư	181	190	-5.1%
Tài sản dở dang	87.3	261	-66.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.2	33.4	2.5%
Tài sản dài hạn khác	292	270	8.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,295	1,764	200%
Nợ ngắn hạn	5,071	1,484	242%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,422	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	689	768	-10.4%
Nợ dài hạn	224	280	-20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,236	11,545	-2.7%
Vốn chủ sở hữu	11,236	11,545	-2.7%
Vốn điều lệ	3,914	3,914	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	3,382	3,307	3,948	3,077	3,164
Giá vốn hàng bán	3,050	2,706	3,403	2,718	2,771
Lợi nhuận gộp	332	602	545	359	393
Doanh thu HĐTC	175	28.1	52.5	159	130
Chi phí TC	12.7	2.01	6.84	25.4	30.8
Chi phí lãi vay	4.35	0.09	4.58	17.7	25.5
LN trong công ty LKLD	0.37	0	1.11	0	1.54
Chi phí bán hàng	228	199	219	233	222
Chi phí QLDN	150	105	120	166	203
LN thuần từ HĐKD	117	324	253	93.4	68.1
Lợi nhuận khác	-3.35	-0.16	1.62	1.30	1.70
LN trước thuế	114	324	255	94.7	69.8
Lợi nhuận sau thuế	107	268	236	66.5	40.6
LNST của CĐ cty mẹ	108	264	231	63.0	36.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-98.9	346	1,125	-184	-356
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	786	-910	-2,895	-121	84.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-640	56.8	1,625	904	91.2
Tiền đầu kỳ	1,187	1,242	735	590	1,188
Lưu chuyển tiền thuần	47.3	-506	-145	598	-180
Ảnh hưởng tỷ giá	7.28	0	0.46	-0.46	-3.18
Tiền cuối kỳ	1,242	735	590	1,188	1,005

(Nguồn: fireant.vn)